



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP CENCON Việt Nam

Ngày 30/09/2025	2,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.2%	4.2%	31.6%

DT thuần Q3/25
22.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.70 20.1%
YoY: ▼6.80 -23.4%

LN thuần Q3/25
0.21
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.16 314%
YoY: ▼0.11 -35.3%

LN sau thuế Q3/25
0.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.13 314%
YoY: ▲ 0.25 307%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
0.9%
YoY: +/-▲ 0.7%

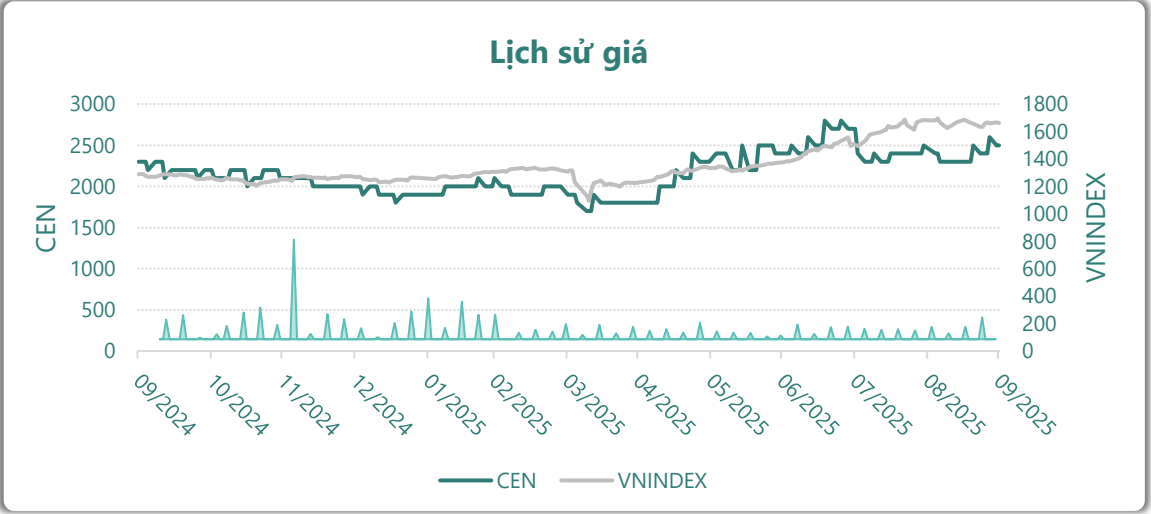
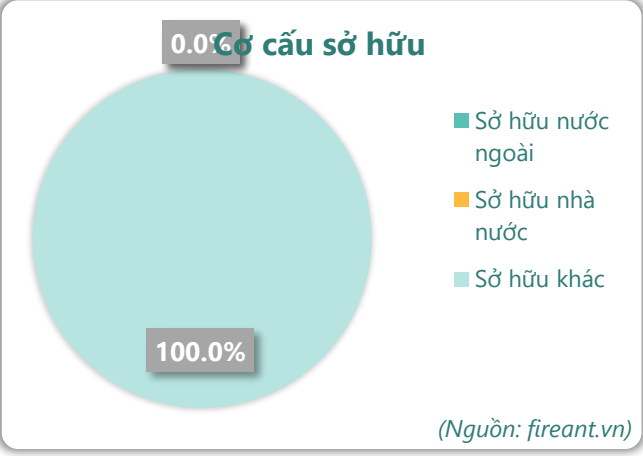
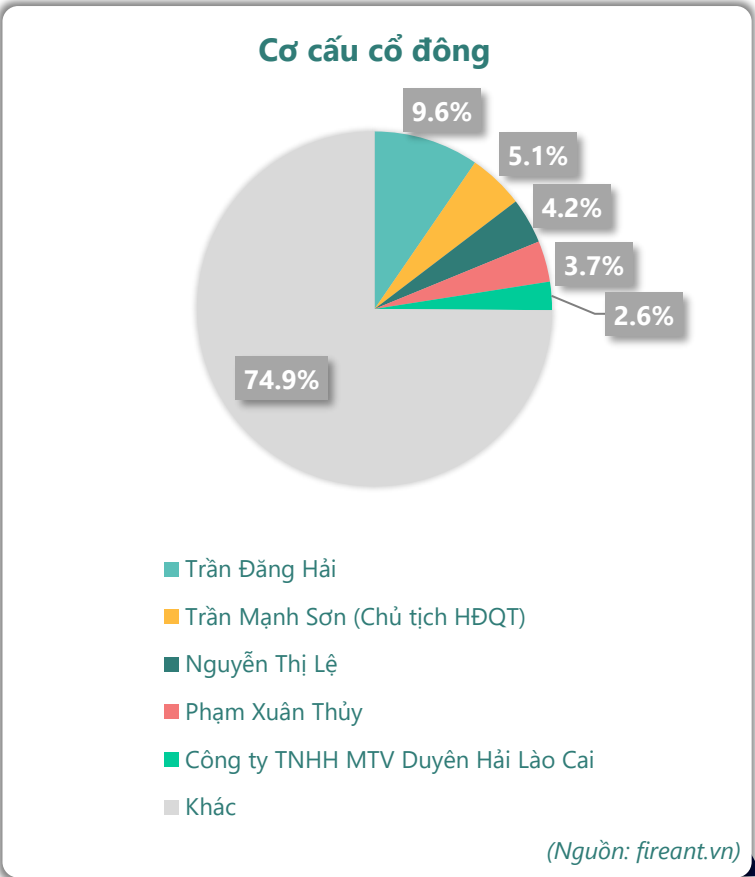
ROE (TTM) Q3/25
0.1%
YoY: +/-▲ 0.1%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,700 - 2,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	54
Số lượng CPLH (CP)	21,712,440
KLGD BQ 20 phiên (CP)	42,515
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.19
EPS	13
P/E	186.0

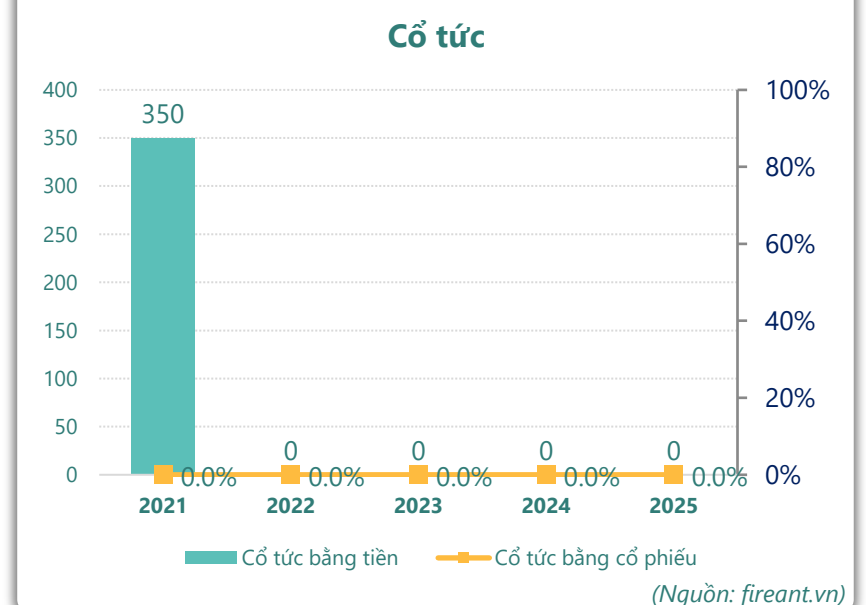
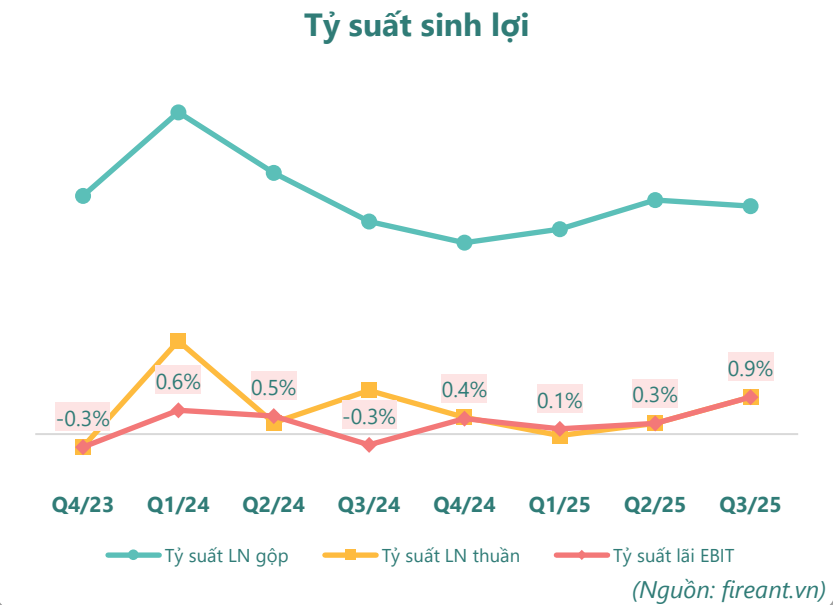
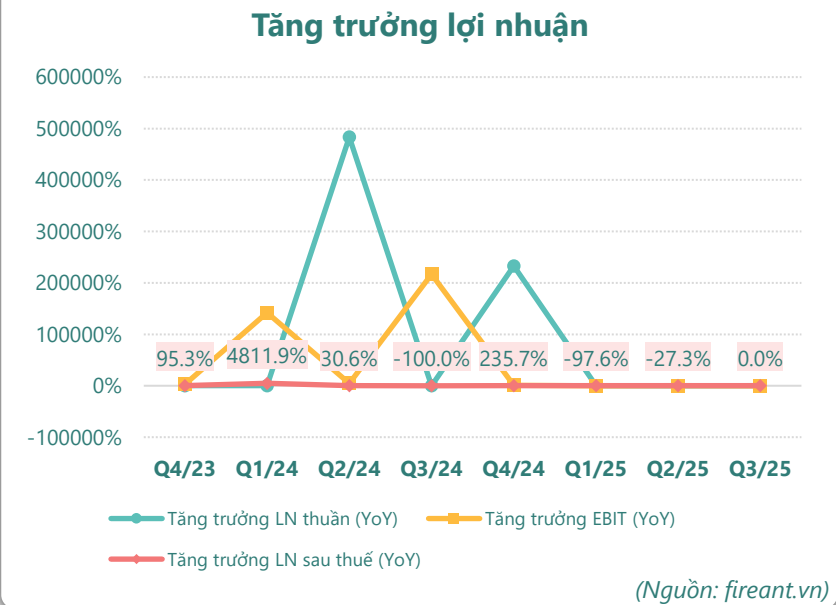
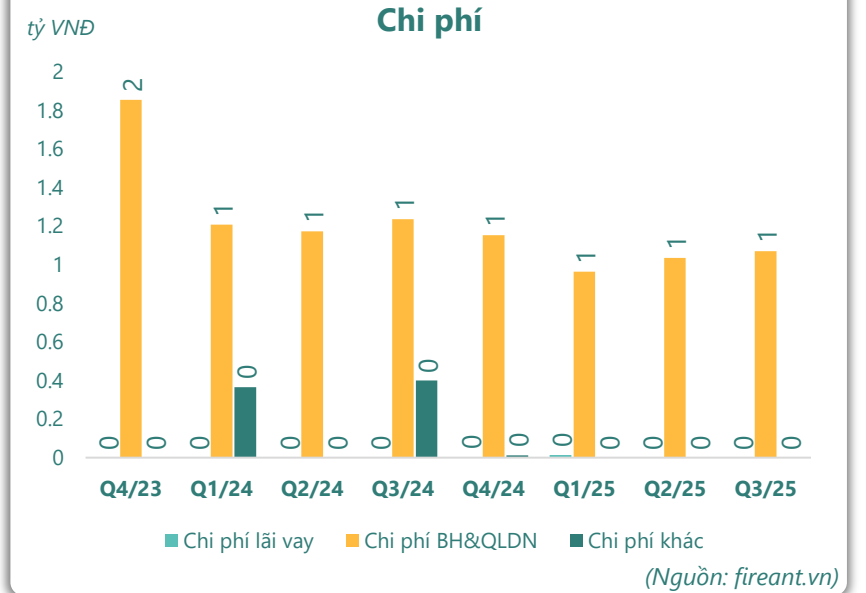
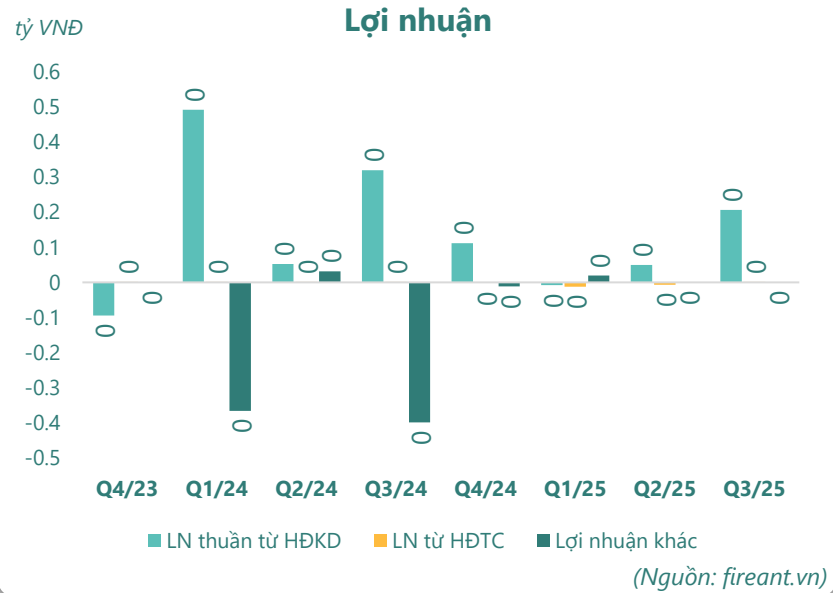
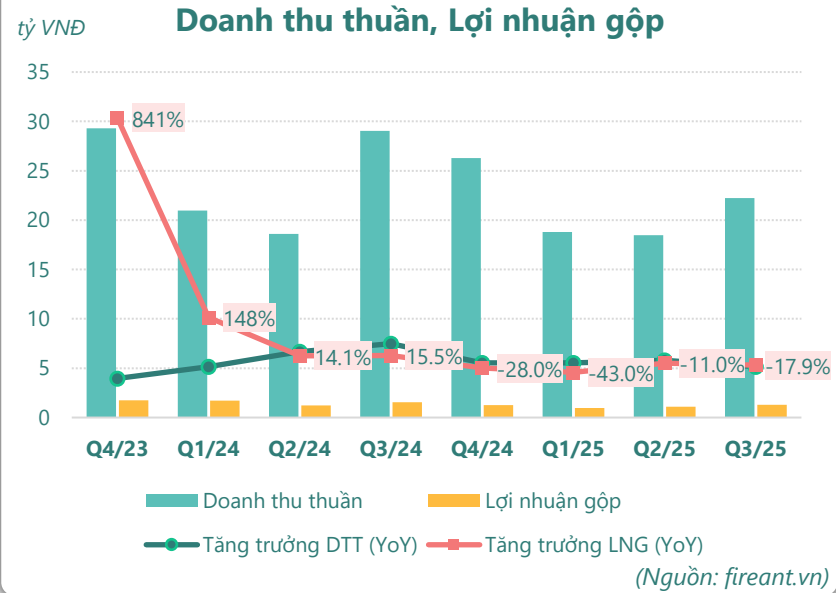
DT thuần 9T 2025
59.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.10 -13.3%

LN thuần 9T 2025
0.25
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.62 -71.2%

LN sau thuế 9T 2025
0.21
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.19 1254%



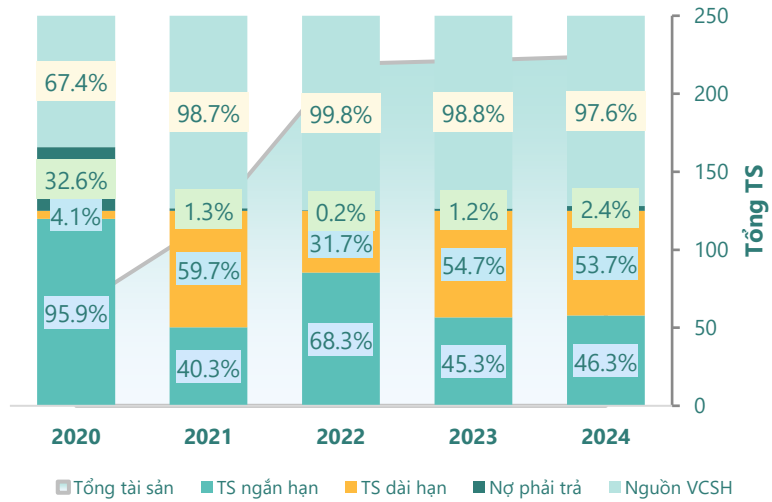
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

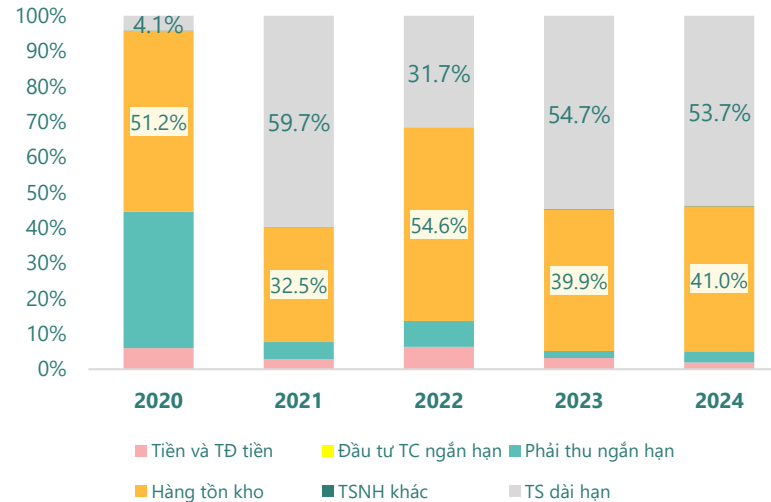
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

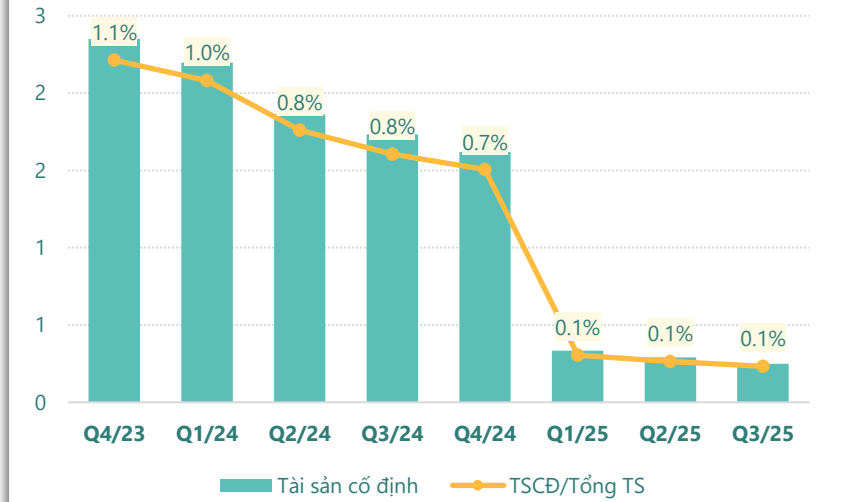
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

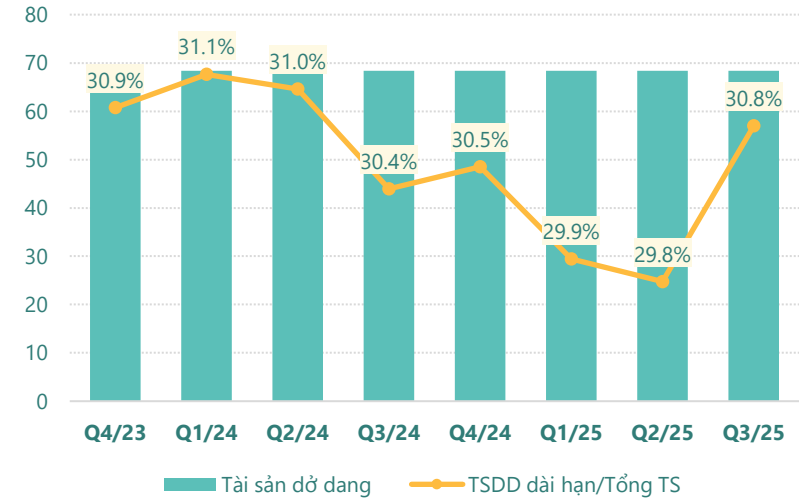
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

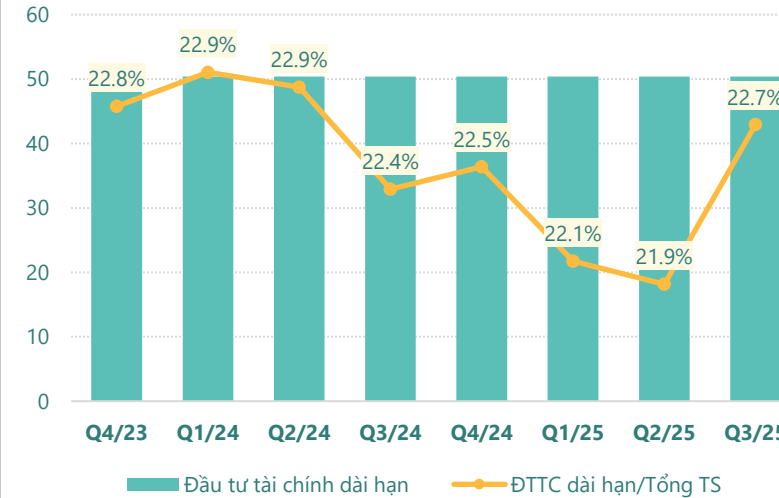
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

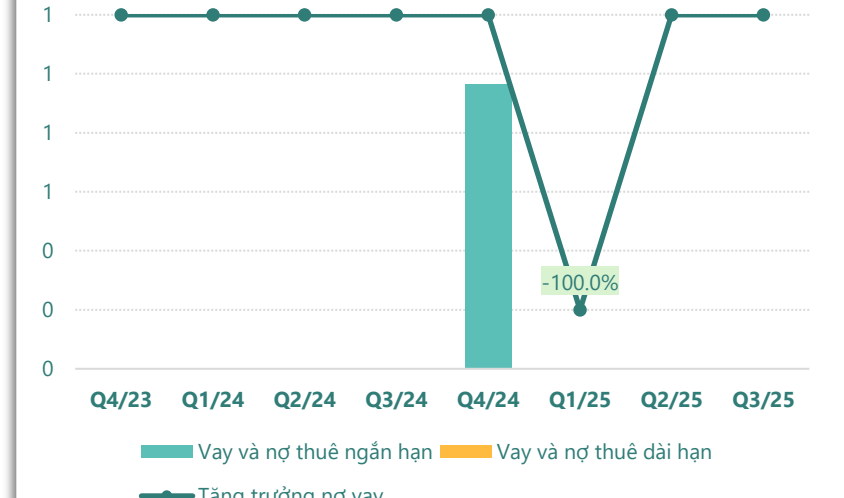
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

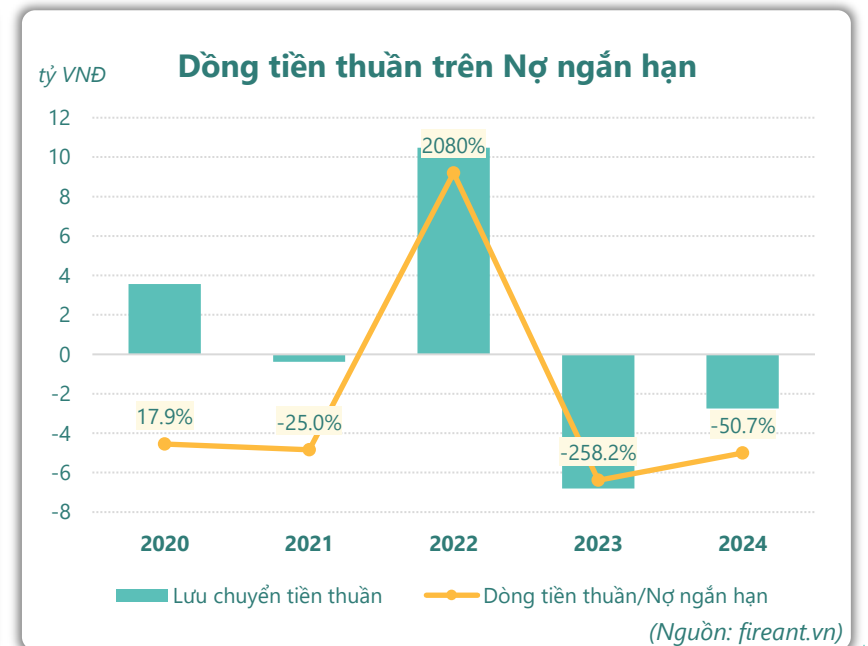
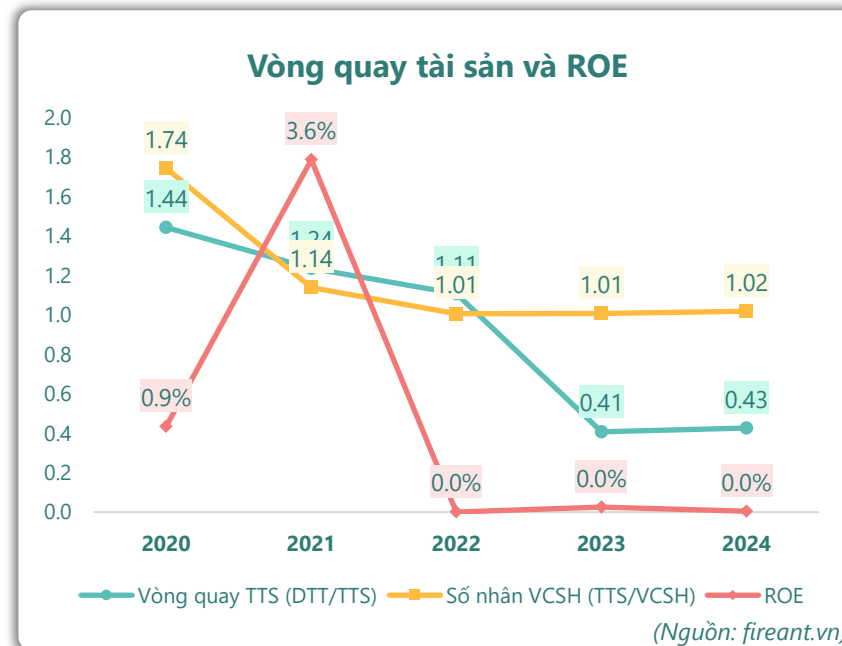
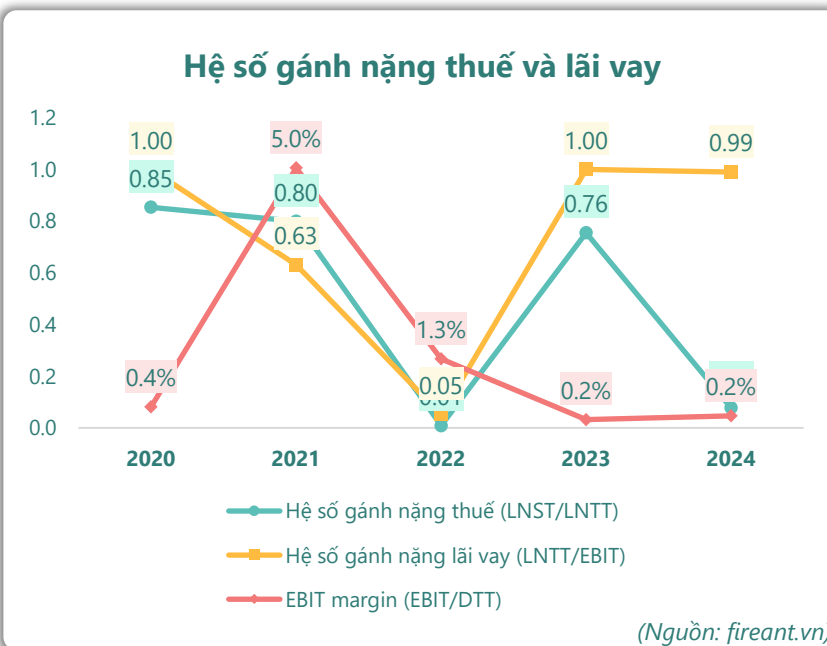
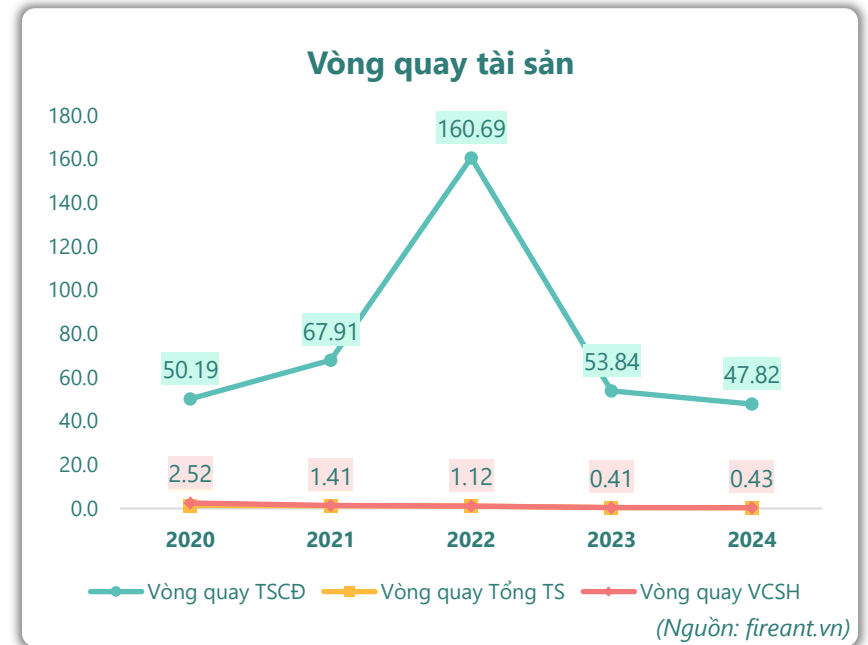
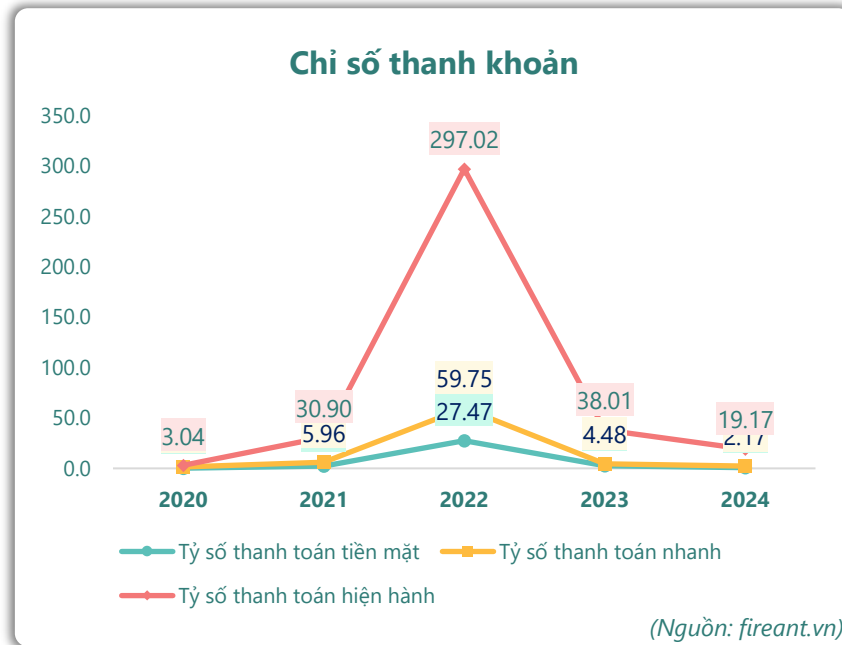
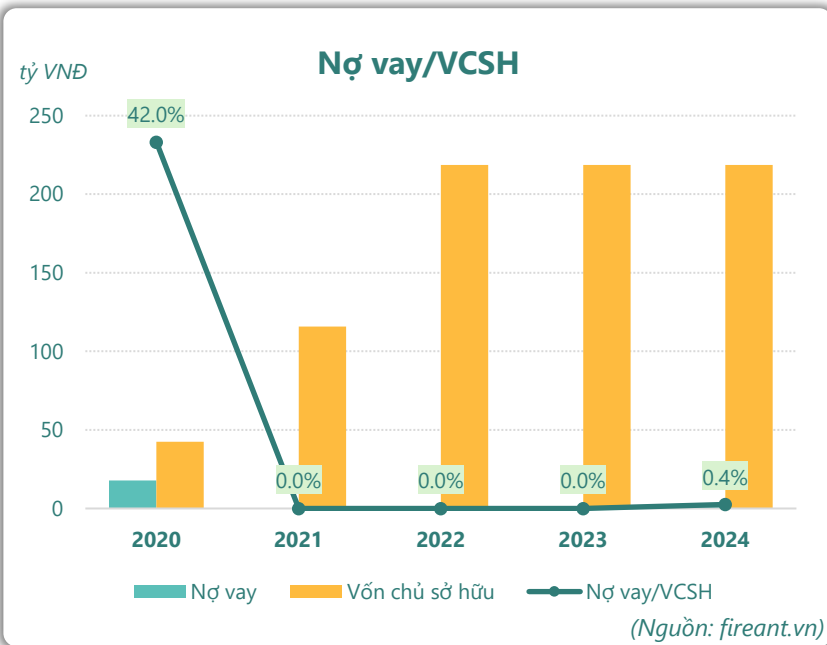
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	22.2	29.0	-23.4%	59.5	68.6	-13.3%
Giá vốn hàng bán	20.9	27.5	-23.8%	56.1	64.1	-12.4%
Lợi nhuận gộp	1.28	1.56	-18.1%	3.34	4.48	-25.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-17.1%
Chi phí TC	0	0.00		0.02	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.01	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.47	0.56	-15.9%	1.21	1.66	-26.7%
Chi phí QLDN	0.60	0.67	-10.4%	1.86	1.96	-5.4%
LN thuần từ HĐKD	0.21	0.32	-35.3%	0.25	0.87	-71.2%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.40	100.0%	0.02	-0.73	103%
LN trước thuế	0.21	-0.08	359%	0.27	0.13	105%
Lợi nhuận sau thuế	0.17	-0.08	307%	0.21	0.02	1254%
LNST của CĐ cty mẹ	0.17	-0.08	307%	0.21	0.02	1254%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.77	0.86	-4.48	-1.96	0.48	0.62
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.26	0.00	0.00	1.34	-0.12	0.12
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0.97	-0.97	0	0
Tiền đầu kỳ	9.45	6.95	7.81	4.29	2.71	3.07
Lưu chuyển tiền thuần	-2.51	0.86	-3.51	-1.58	0.36	0.74
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.95	7.81	4.29	2.71	3.07	3.81

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	222	224	-0.9%
Tài sản ngắn hạn	103	104	-0.6%
Tiền và tương đương tiền	3.81	4.29	-11.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8.06	7.05	14.3%
Hàng tồn kho	91.3	92.0	-0.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.39	-100%
Tài sản dài hạn	119	120	-1.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.25	1.62	-84.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	68.4	68.4	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	50.4	50.4	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3.26	5.41	-39.8%
Nợ ngắn hạn	3.26	5.41	-39.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0.97	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.28	4.12	-44.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	219	219	0.1%
Vốn chủ sở hữu	219	219	0.1%
Vốn điều lệ	217	217	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

